TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 791/2020/QĐST-HNGĐ	*Đức Hòa, ngày 24 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN T TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1317/2020/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Đặng Tú L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Chị Võ Thị Thu T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Sự tự nguyện ly hôn và thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự T tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Đặng Tú L, sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Bị đơn: Chị Võ Thị Thu T, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Công nhận sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Đặng Tú L và bà Võ Thị Thu T tự nguyện thỏa T T tình ly hôn.

- Về con chung: quá trình chung sống có 02 con chung tên Đặng Minh T, sinh

ngày: 5/12/2010 và Đặng Minh P, sinh ngày: 28/4/2015. Sau khi ly hôn bà T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Đặng Minh T, sinh ngày: 5/12/2010 và Đặng Minh P, sinh ngày: 28/4/2015. Ông Đặng Tú L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con mỗi tháng 2.000.000đồng, bắt đầu từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lợi dụng quyền thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà T trình bày tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Đặng Tú L tự nguyện chịu 150.000đồng án phí T tình ly hôn và 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006984 ngày 28/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hải An

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả T của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả T của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).